TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-PT
Ngày 08 - 01 - 2025
V/v "tranh chấp đòi nhà và đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Ông Nguyễn Thành Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2024/TLPT - DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc: "*tranh chấp đòi nhà và đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 397/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú: Tổ G, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Anh T1, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng cư trú: Tổ G, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lê Phương V, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ G, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 15/9/2023 của nguyên đơn bà Lê Thanh T trình bày:

Thửa đất số 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do chị ruột là bà Lê Kim O tặng cho vào năm 2011. Khi nhận tặng cho thửa 629 thì bà Lê Kim O cũng tặng cho 1 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 62,4m^2 (chiều ngang 4,8m chiều dài 13m), mái lợp tol, nền lót gạch men, trần đóng la phông, vách tường, cột bê tông cốt thép gắn liền trên đất.

Căn nhà nêu trên trước đây bà để cho mẹ quản lý sử dụng, sau khi mẹ qua đời thì vợ chồng ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L tự ý vào sinh sống không hỏi ý kiến của bà. Vì nghĩ tình anh em ruột nên bà vẫn để cho ông T1 và bà L ở trong nhà. Tuy nhiên, hiện nay ông T1 có hành vi ngăn chặn việc quản lý sử dụng nhà của bà, khi bà cần sửa chữa hoặc gắn thêm thiết bị trong nhà thì ông T1 to tiếng bảo là "mày muốn làm gì thì phải hỏi ý kiến của ông T1".

Bà T nhiều lần yêu cầu ông T1 bà L phải ra khỏi nhà nhưng ông T1, bà L không đồng ý cho rằng nhà và đất thuộc thửa 629 là di sản của mẹ để lại nhưng không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh.

Nay bà T yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L trả lại cho bà T căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 62,4m^2 (chiều ngang khoảng 4,8m, chiều dài khoảng 13m), mái lợp tol, nền lót gạch men, trần đóng la phông, vách tường, cột bê tông cốt thép gắn liền trên thửa đất số 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện B (ấp T, xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long, do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Tại đơn phản tố ngày 15/12/2023 ông Lê Anh T1 trình bày:

Cha ông tên Lê Văn N (đã chết), mẹ ông là Nguyễn Thị E (đã chết), sinh thời cha mẹ ông có tạo lập một khối tài sản gồm: thửa đất số 29, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, toạ lạc khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện do Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Trên thửa đất có 1 căn nhà kiên cố có chiều ngang khoảng 8m, chiều dài khoản 24m, diện tích 129m^2. Căn nhà nói trên là do cha mẹ ông xây cất hơn 10 năm và ở trên căn nhà này. Phần đất còn lại 528m^2, hiện tại ông trồng cây ăn trái.

Nguồn gốc đất cha mẹ ông mua của bà Nguyễn Thị Ú (dì ruột của ông). Sau đó cha ông mất thì mẹ ông và các dì, mợ và các anh chị em họ hàng kêu vợ chồng ông về chăm sóc cho mẹ và được hưởng phần đất nói trên do bà Lê Thanh T không nuôi dưỡng nên vợ chồng ông về sống với mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ cho đến ngày mất và thờ cúng sau khi mẹ mất. Nay mẹ ông qua đời 49 ngày, bà Lê Thanh T về tranh chấp đòi lấy lại căn nhà.

Cha mẹ già yếu nên có ý cho chị gái và em gái tên Lê Kim O và Lê Thanh T nuôi dưỡng và chăm sóc tiện hơn con trai là ông. Nhưng khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong thì bỏ mặc không chăm sóc, nuôi dưỡng, nên vợ chồng ông về ở nuôi mẹ hơn 7 năm.

Nay bà Lê Thanh T yêu cầu vợ chồng ông phải trả lại căn nhà cấp 4, diên tích 62,4m^2 tại thửa số thửa số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, toạ lạc: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý.

Bởi vì, ông không có đất cất nhà ở mặt khác ông là con trai duy nhất

trong gia đình nên ông ở căn nhà để thờ cúng ông bà cha mẹ.

Ông phản tố yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn N và bà Lê Kim O tại thửa số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, toạ lạc: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Do bà Lê Kim O đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Kim O và bà Lê Thanh T tại thửa số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, toạ lạc: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Công nhận cho ông Lê Anh T1 được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thửa số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, toạ lạc: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:*

Bà thống nhất theo ý kiến của chồng bà là ông T1.

- *Tại bản khai đề ngày 22/8/2024 của cháu Lê Phương V trình bày:* Cháu V đang đi học, còn lệ thuộc gia đình cho nên cháu V đồng ý theo yêu cầu của cha mẹ là ông Lê Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thu L. Cháu Lê Phương V không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 5 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh T.

Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L trả lại cho bà T căn nhà cấp 4, diện tích 116,4m^2, nhà cấu tạo: mái lợp tol, nền lót gạch men, trần

đóng la phông, vách tường, cột bê tông cốt thép gắn liền trên thửa đất số 629 (thửa mới là 149, diện tích 563,7m^2), tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện B (ấp T, xã T, huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long, do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L, cháu Lê Phương V di dời vật dụng cá nhân ra khỏi nhà để trả lại nhà cho bà T và thửa 629 (thửa mới là 149, diện tích 563,7m^2).

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L về việc Huỷ hợp đồng tặng cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa cụ ông Lê Văn N và bà Lê Kim O tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Kim O đứng tên quyền sử dụng đất. Huỷ hợp đồng tặng cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Lê Kim O và bà Lê Kim O tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Công nhận cho ông T1 được kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 19/9/2024 bị đơn ông Lê Anh T1 kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng tặng cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn N và bà Lê Kim O tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và hủy hợp đồng tặng cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Lê Kim O với bà Lê Thanh T tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận cho bị đơn được kê khai đăng ký phần đất diện tích 720m^2 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, loại đất thổ quả, đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, công nhận cho bị đơn ông T1 được sử dụng căn nhà kiên cố nằm trên

thửa đất số 29, căn nhà có chiều ngang 8m, chiều dài 24m, tổng diện tích khoảng 192m^2.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Lê Anh T1 vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L đồng ý với kháng cáo của chồng là ông T1. Bà không có ý kiến gì khác.

Nguyên đơn bà Lê Thanh T không đồng ý với kháng cáo của ông T1. Bà T đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Anh T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Anh T1 đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

Bị đơn Lê Anh T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn N và bà Lê Kim O tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Kim O với bà Lê Thanh T tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Xét, nguồn gốc phần đất tranh chấp thửa số 29, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất thổ quả, đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ông T1 yêu cầu kháng cáo là của ông N không đúng trên thực tế. Vì thửa đất hiện các bên tranh chấp là thửa 629, diện tích 720m^2, tờ bản đồ số 6 (hiện nay là thửa mới 149), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T). Nguồn gốc thửa đất 629 do bà Nguyễn Thị Ú ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Kim O ngày 17/03/2004, diện tích 741m^2 (720m^2) thuộc thửa 21 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực (BL 80 – 81) đến ngày 8/11/2006 bà Lê Kim O được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 629. Sau đó ngày 25/7/2011 bà Lê Kim O lập hợp đồng tặng cho thửa 629 cho bà Lê Thanh T và bà T được đứng tên trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2011.

Xét, bị đơn Lê Anh T1 cho rằng không có đất ở và ông là con trai duy nhất trong nhà để thờ cúng ông bà, cha mẹ, nhưng nguồn gốc thửa đất này không phải do cha mẹ ông để lại mà là của bà Nguyễn Thị Ú chuyển nhượng lại cho bà Kim O và bà Kim O tặng cho lại bà Lê Thanh T. Như vậy về trình tự pháp lý thì quyền sử dụng đất hiện nay đối với thửa đất 629 là do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Từ đó cho thấy, nguồn gốc đất của thửa đất đang tranh chấp không phải là di sản do cha mẹ ông Lê Anh T1 để lại cho nên ông cho rằng ông là con trai duy nhất trong nhà để thờ cúng cha mẹ để yêu cầu công nhận phần đất là không có căn cứ. Ngoài ra, căn cứ vào bản án số 65/2007/DSST ngày 30/10/2007 thể hiện

ông T1 có căn nhà trên phần đất của bà Nguyễn Thị T2 thuộc thửa 22, bản án cũng công nhận cho ông T1 một phần đất có diện tích 12m^2, nên có căn cứ xác định ngoài căn nhà của bà T đang tranh chấp thì ông T1 vẫn còn chỗ ở khác.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Lê Anh T1 không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Anh T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Anh T1 nộp 300.000đ. Nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông T1 đã nộp. Nên ông T1 không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo toàn bộ của bị đơn ông Lê Anh T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: khoản 5 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 165 và 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh T.

Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L trả lại cho bà T căn nhà cấp 4, diện tích 116,4m^2, nhà cấu tạo: mái lợp tol, nền lót gạch men, trần đóng la phông, vách tường, cột bê tông cốt thép gắn liền trên thửa đất số 629 (thửa mới là 149, diện tích 563,7m^2), tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện B (ấp T, xã T,

huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long, do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất.

Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L, cháu Lê Phương V di dời vật dụng cá nhân ra khỏi nhà để trả lại nhà cho bà T và thửa 629 (thửa mới là 149, diện tích 563,7m^2). Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L về việc Huỷ hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa cụ ông Lê Văn N và bà Lê Kim O tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Kim O đứng tên quyền sử dụng đất. Không chấp nhận Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Kim O và bà Lê Kim O tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Không công nhận cho ông T1 được kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 629, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về chi phí tố tụng.

Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá số tiền 2.348.329đ.

Buộc ông Lê Anh T1, bà Nguyễn Thị Thu L phải nộp 2.348.329 đồng. Ông T1, bà L được khấu trừ vào số tiền 4.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí khảo sát, đo đạc theo phiếu thu ngày 15/03/2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân. Vậy ông Lê Anh T1 được nhận lại số tiền thừa là 1.651.671đ.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thu L nộp số tiền 900.000đ. Ông T1 khấu trừ 600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013256 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, Vĩnh Long. Buộc ông T1 tiếp tục nộp 300.000đ.

- Hoàn trả lại bà Lê Thanh T số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000323 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Anh T1 nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo lai thu số 0000015 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL:01b;
- TAND H Bình Tân: 01b;
- Chi cục THADS H Bình Tân: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường